

Bản án số: 187/2017/HSPT
Ngày 08 tháng 8 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tấn Hoàng
Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 144/2017/HSPT ngày 29 tháng 3 năm 2017 đối với bị cáo Trương Vĩnh Q về tội “Giết người”, do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

1. Bị cáo bị kháng cáo:

Họ và tên: **Trương Vĩnh Q** (Tên gọi khác: Q), sinh năm 1985 tại Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Trương Vĩnh H và bà Lê Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 03/7/2016, chuyển tạm giam từ ngày 12/7/2016 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; là mẹ của người bị hại Trương Trọng K, sinh năm 1986 (đã chết); có mặt tại phiên tòa.

3. Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

3.1. *Người đại diện hợp pháp của người bị hại:* Ông Trương Quang H, sinh năm 1956; cư trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; là cha của người bị hại Trương Trọng K; vắng mặt tại phiên tòa.

3.2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Quang H và bà Nguyễn Thị H:* Ông Đỗ Văn S và ông Nguyễn P, Luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

3.3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

3.3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn H; địa chỉ: Đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu H, Giám đốc Công ty; vắng mặt.

3.3.2. Anh Trần Văn T, sinh năm 1993; cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Vĩnh Q và Trương Trọng K (chủ thầu công tại các dự án xây dựng công trình) là người cùng quê, có quen biết nhau. Năm 2014, Q đến làm công cho Trương Trọng K; năm 2015, Q vào huyện N, tỉnh Quảng Nam làm công cho K tại công trình xây dựng thủy điện Đ thuộc xã C, huyện N. Cuối năm 2015, Q bị hội chứng thần kinh vai gáy nên không làm cho K nữa nhưng K còn nợ tiền công của Q là 15.500.000 đồng, Q nhiều lần gọi điện thoại cho K hỏi tiền nợ nhưng K không trả. Tháng 5/2016, Q vào làm công nhân lái xe tải cho Công ty TNHH H - thành phố Đà Nẵng, sau đó Q giới thiệu Trần Văn T (là người cùng quê với Q) vào làm công nhân lái xe tải tại Công ty TNHH H.

Chiều ngày 01/7/2016, Trương Vĩnh Q rủ Trần Văn T đến xã C, huyện N gặp Trương Trọng K lấy tiền nợ về chữa bệnh, T đồng ý. Khoảng 08 giờ sáng ngày 02/7/2016, Q lấy xe máy có biển kiểm soát 43K2-0165 của Công ty TNHH H, cùng T chở nhau đi N. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, T chở Q vào lán trại của K trong Công trình thủy điện Đ. Lúc này tại lán có 2 công nhân là Nguyễn Nhật V và Bùi Văn N, Bùi Văn N hỏi Q đến làm gì, Q nói đến gặp K có công việc thì Nguyễn Nhật V và Bùi Văn N bỏ đi làm việc. Q đến nằm ở võng trước lán trại còn T vào ngồi ở ghế đẩu trong lán trại đợi K về.

Khoảng 10 phút sau, K đi làm về gặp Q, Q hỏi “Ông đi làm chi về rứa?”; K trả lời “Đi làm về”; Q hỏi tiếp “Thế còn tiền bạc sao rồi ông K?”; K trả lời “Tiền chưa có, Công ty chưa trả”; Q nói tiếp “Thế thì trưa mai, ông chuẩn bị cho tôi vài triệu để chữa bệnh”; K đáp lại “Trưa mai không có, mà làm gì được tao”. Q bức tức vùng đứng dậy khỏi võng thì K dùng tay nắm 1 cái trứng vào miệng Q rồi bỏ chạy ra khỏi lán trại. Q liền chạy đuổi theo K để đánh, lúc đó T cũng chạy theo Q. Khi chạy ra đến đường đất phía sau lán trại thì Q bị K vật ngã. T thấy vậy chạy đến ôm K lại định vật K nhưng K khỏe hơn nên vùng khỏi tay T. Lúc này Q đứng dậy lấy con dao bấm có sẵn trong túi áo ra cầm trên tay phải bấm chốt, lưỡi dao bật ra. K thấy Q cầm dao trên tay nên K thụt lùi lại vài bước rồi quay lưng bỏ chạy. Q cầm con dao lao tới đâm 1 nhát trúng vào bả vai phải của K, K ôm bả vai tiếp tục bỏ chạy về hướng quán bà Phạm Thị S (tại ngã 3 đường vào công trình với Q lộ 14D, thuộc thôn T, xã C). Q cầm dao đuổi theo K, T cũng chạy theo Q. K chạy một đoạn thì quay lại nói “Hôm nay 2 đứa mà không thoát khỏi đây được đâu”; Q trả lời “Hôm nay mà chết, không tao chết”; nói xong Q bảo T quay về lán trại lấy xe máy, còn Q tiếp tục đuổi theo K.

K chạy đến trước quán bà Phạm Thị S thì dừng lại nhặt 1 đoạn cây gỗ dài 1,43 m, đường kính chỗ rộng nhất 6,5 cm cầm trên tay quay lại, đi về phía Q. Thấy K quay lại, Q dùng tay trái cầm con dao, cúi xuống dùng tay phải nhặt đá ném về phía K nhưng không trúng. K nhặt đá ném lại Q cũng không trúng. Tiếp tục, K bước tới trước mặt Q vài bước và nói “Hôm nay tao cho mày chết”, Q trả lời “Tao đã lên đây rồi thì không sợ chết đâu”. K cầm cây gỗ lao đến, Q cầm dao bấm lùi lại khoảng 2 m thì K giơ cây gỗ lên cao đánh xuống trúng vùng mặt bên trái của Q làm Q ngã xuống đất. Bị đánh đau, Q tay trái ôm vết thương, tay phải cầm dao đứng dậy lao đến đâm một nhát trúng vùng ngực trái của K, K ôm vết thương trên ngực chạy đến trước quán bà Sinh thì ngã xuống đất. Lúc đó, T vừa chạy xe máy từ lán trại đến, Q ngồi lên xe máy của T và bảo T chở Q chạy trốn, còn K được mọi người đưa đi sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa N sau đó chuyển đến cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa Đà Nẵng nhưng do vết thương quá nặng nên đã tử vong. Sau khi đâm K, Q được T chở vào trốn trong rừng, đến sáng ngày 03/7/2016, Q và T đi ăn sáng thì bị Công an xã T bắt giữ.

Tại bản giám định pháp y số 163/GĐPY.16 ngày 05/7/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam kết luận: Trương Trọng K, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đã chết ngày 02/7/2016 tại Bệnh viện Đà Nẵng do vết thương vùng ngực trái theo chiều từ trước ra sau, từ dưới lên trên gây đứt động mạch và tĩnh mạch dưới đòn trái, chảy máu, choáng mất máu, choáng chấn thương, suy hô hấp, trụy tuần hoàn không hồi phục.

Tại bản giám định thương tích số 277/GĐTT.16 ngày 10/10/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Quảng Nam mô tả kết quả giám định thương tích trên cơ thể Trương Vĩnh Q: Vùng mũi có vết xát da đã lành sẹo dài 0,8 cm, rộng 0,1 cm; vùng

môi trên ngang qua rãnh nhân trung có vết xước da đã lành sẹo dài 01 cm, rộng 0,2 cm; vùng gò má bên trái có vết rách da nông đã lành sẹo dài 4 cm, rộng 0,1 cm; há miệng được bình thường. Kết luận giám định: Tổn thương chủ yếu hiện tại còn thấy được ở trên bệnh nhân là các vết xước da và rách da nông; không thấy tổn thương xương, không thấy dấu hiệu thần kinh khu trú. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe tại thời điểm giám định là 4%.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị hại yêu cầu bồi thường tiền thuốc điều trị, tiền mai táng phí và tổn thất tinh thần với tổng số tiền 276.600.000 đồng. Bị cáo chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 22/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

- Tuyên bố bị cáo Trương Vĩnh Q phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 93; các điểm đ, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm x khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội. Xử phạt bị cáo Trương Vĩnh Q 10 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 03/7/2016.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự của bị cáo, xử lý vật chứng, án phí, thông báo về quyền kháng cáo và quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Ngày 23/02/2017, bị cáo Trương Vĩnh Q gửi đơn kháng cáo cho rằng mức án do Tòa án xử phạt bị cáo là quá nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/6/2017, bị cáo Trương Vĩnh Q xin rút kháng cáo.

Ngày 23/02/2017, người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ; không căn cứ vào sự thật khách quan để giải quyết vụ án; áp dụng khung hình phạt không đúng dẫn đến quyết định mức hình phạt quá thấp đối với bị cáo và cho rằng các cơ quan T hành tố tụng đã bỏ lọt tội phạm là Trần Văn T. Do đó, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chuyển khung hình phạt áp dụng với bị cáo Trương Vĩnh Q từ khoản 2 thành khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (thuộc trường hợp có tính chất côn đồ), tuyên phạt tử hình bị cáo; xem xét hành vi của Trần Văn T với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo thực hiện hành vi giết người.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H giữ nguyên các nội dung, yêu cầu trong đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong vụ án này, người bị hại có một phần lỗi, gây nên sự kích động đối với bị cáo dẫn đến xảy ra xô sát, vật lộn và bị cáo đã dùng dao đâm làm anh K tử vong. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Trương Vĩnh Q 10 năm tù là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo và hậu quả xảy ra. Đối với Trần Văn T, trên cơ sở các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đã xác định T có chờ bị cáo đến gặp anh K và khi bị cáo và anh K vật lộn thì K cũng tham gia, giúp sức bị cáo vật lộn với anh K. Tuy nhiên, tại phiên tòa này chưa có đủ cơ sở kết luận hành vi của Trần Văn T đã cấu thành tội phạm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị với cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện hợp pháp của người bị hại trình bày ý kiến: Không chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng người bị hại có một phần lỗi gây kích động cho bị cáo. Lời khai của bị cáo cho rằng anh K đâm bị cáo trước là không có cơ sở chứng minh; các vết thương trên người bị cáo được giám định sau khi vụ án đã xảy ra nhiều ngày cũng không có cơ sở chứng minh là do anh K gây ra. Hành vi của bị cáo Trương Vĩnh Q dùng hung khí nguy hiểm là con dao nhọn chuẩn bị từ trước đâm chết anh K và trước đó bị cáo đã đến nhà đập phá đồ đạc, đe dọa giết chết anh K đã thể hiện có tính chất côn đồ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chuyển khung hình phạt áp dụng đối với bị cáo theo khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999, hoặc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để tăng mức hình phạt đối với bị cáo Trương Vĩnh Q. Đối với Trần Văn T, đã có dấu hiệu giúp sức, hỗ trợ đắc lực cho bị cáo Trương Vĩnh Q đâm chết anh K và có hành vi che dấu hoặc không tố giác tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý về hình sự đối với Trần Văn T theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Ngày 23/02/2017, bị cáo Trương Vĩnh Q gửi đơn kháng cáo cho rằng mức án do Tòa án xử phạt bị cáo là quá nặng; tuy nhiên bị cáo đã rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/6/2017. Trong vụ án này, người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo ngày 23/02/2017 đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên kháng cáo về việc yêu cầu chuyển khung hình phạt đối với bị cáo (từ khoản 2 thành khoản 1 Điều 93 của Bộ

luật Hình sự); và thay đổi một phần kháng cáo về mức hình phạt (rút yêu cầu áp dụng hình phạt tử hình, sửa đổi tăng hình phạt đối với bị cáo). Căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08/12/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cho rằng bị cáo Trương Vĩnh Q phạm tội giết người thuộc trường hợp “Có tính côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi tắt là Bộ luật Hình sự) và yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1.1] Ngay sau khi bị bắt giữ, tại Biên bản ghi lời khai do cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N lập hồi 07 giờ 45’ ngày 03/7/2016 và Bản tự khai ngày 03/7/2016, bị cáo Trương Vĩnh Q đã khai nhận: khi gặp được anh K “...*tôi có hỏi anh K về số tiền nợ trước đây và anh K nói không có, nghe vậy tôi nói trưa ngày mai chuẩn bị cho tôi mấy triệu. Lúc này anh K liền đáp trưa mai không có thì mày làm gì được tao. Tức quá tôi rút con dao bấm trong túi áo ra đuổi theo và đâm một phát trúng vào vai bên phải anh K...*” (BL. 100,102). Do bị đâm, anh K bỏ chạy thì Q cầm dao đuổi theo, T cũng chạy theo Q. Sau đó, Q nói với T quay về lấy xe máy, còn Q tiếp tục đuổi theo K. Khi K chạy được một đoạn thì nhặt được 01 đoạn cây gỗ hình tròn, có chiều dài 1,43 m, đường kính chỗ rộng nhất 6,5 cm cầm trên tay quay lại; K và Q tiếp tục có lời lẽ thách thức nhau, nhặt đá bên đường ném nhau nhưng không trúng; K cầm đoạn gỗ lao đến đánh trúng vào mặt Q làm Q ngã xuống đất. Bị đánh đau, Q lao đến dùng dao đâm một nhát trúng vào vùng ngực trái của K, K ôm vết thương bỏ chạy một đoạn thì ngã gục xuống đất. Tuy nhiên sau đó, từ các biên bản ghi lời khai ngày 05/7/2016 trở đi và các lời khai tại phiên tòa, bị cáo Trương Vĩnh Q lại khai rằng: Sau khi bị cáo yêu cầu anh K trưa mai phải trả cho Q mấy triệu thì K trả lời “*Trưa mai không có thì mày làm gì được tao, đồng thời K dùng tay đâm trúng vào miệng tôi, tôi bực tức đứng dậy khỏi văng đi ra ngoài lán trại nhìn quanh thì thấy có một con dao bấm lưỡi còn gấp bên trong nằm dưới đất sát vách lán trại bên cạnh, tôi nhặt con dao cầm trên tay bấm lưỡi dao bật ra, K thấy tôi có con dao trên tay nên thụt lùi lại và quay lưng định bỏ chạy, tôi cầm dao đuổi theo đâm trúng bả vai phải của K...*”.

[2.1.2] Tại các bản tự khai và biên bản ghi lời khai của Trần Văn T, là người trực tiếp chứng kiến sự việc và tham gia cùng Trương Vĩnh Q đánh anh K đều khai nhận: Sau khi anh K đi làm về tới lán gặp Q thì “... *Q nói với người thanh niên: Giờ sao ông, tiền bạc của tôi ông tính sao? anh thanh niên kia trả lời: Công ty giờ chưa có tiền; Q nói: Trưa mai phải có cho tao; người thanh niên kia đáp lời*

Q: Nếu mai không có thì mày làm gì được tao. Người thanh niên kia vừa nói hết câu thì anh Q đứng dậy rượt theo người thanh niên kia để đánh, ngay lúc đó tôi cũng chạy theo để hỗ trợ Q đánh anh kia. Q bị anh kia quật ngã, thấy vậy tôi vào ôm anh kia để anh kia không đánh Q nữa nhưng anh kia mạnh hơn vùng ra khỏi tay tôi bỏ chạy thì Q bật dậy dùng dao đâm vào sau vai phải của anh kia...”(BL. 116-122, 124-126). Những người làm chứng khác (Anh Nguyễn Nhật V, Bùi Văn N, A Lăng T, Trần Thanh D - BL.141-153) đều khai nhận: Sau khi anh K về lán được khoảng 1 phút thì họ nhìn thấy anh K chạy ra ngoài, 2 thanh niên rượt đuổi theo, 3 người có xô sát và sau đó anh K bị 1 thanh niên cầm dao đâm vào vai, vào ngực dẫn đến tử vong.

[2.1.3] Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo, các lời khai của Trần Văn T, lời khai của những người làm chứng khác; các chứng cứ, tài liệu khác như Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám nghiệm tử thi Trương Trọng K, Biên bản khám nghiệm thương tích Trương Vĩnh Q, các vật chứng thu thập được và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở xác định: Hành vi bị cáo Trương Vĩnh Q dùng dao đâm chết anh Trương Trọng K xuất phát từ nguyên nhân anh K còn nợ tiền bị cáo; bị cáo rất cần tiền để chữa bệnh và đã đòi nhiều lần nhưng anh K không chịu trả nợ. Khi gặp được anh K, anh K không trả tiền mà còn có thái độ thách thức làm cho bị cáo chuyển từ trạng thái bức xúc (lời qua, Tg lại thách thức nhau), đến trạng thái hành động (sau khi Q bị anh K xô đẩy, vật ngã xuống đất nên Q vùng dậy dùng dao đâm trúng bả vai trái gây thương tích cho anh K); khi bị anh K dùng khúc cây to đánh trúng vào mặt (gây thương tích 04%) thì Q đã hành động quyết liệt, bật dậy dùng dao đâm trúng ngực trái anh K, làm anh K tử vong. Hành vi do bị cáo thực hiện phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án được chứng minh bằng các lời khai của những người làm chứng nhìn thấy bị cáo và anh K xô đẩy, vật lộn, đuổi đánh nhau; phù hợp với các dấu vết thương tích trên người anh K và phù hợp với các dấu vết thương tích trên người bị cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trương Vĩnh Q phạm tội “Giết người” theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật.

[2.1.4] Đối với lời trình bày của bà Nguyễn Thị H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình người bị hại cho rằng trước khi xảy ra sự việc, bị cáo Trương Vĩnh Q đã đến nhà bà đe dọa sẽ giết Trương Trọng K. Tại “Đơn cung cấp chứng cứ” của Luật sư Đỗ Văn Sự có trình bày sự việc hồi 19 giờ ngày 10/5/2016, Trương Vĩnh Q đến nhà bà Nguyễn Thị H để đòi nợ đã có hành vi đập phá một số đồ đạc của gia đình; đồng thời có lời nói đe dọa sẽ đến Quảng Nam để đâm chết anh K. Luật sư có gửi kèm theo đơn bản phô tô “Biên bản sự việc” ngày 10/5/2016. Bị cáo Trương Vĩnh Q thừa nhận có đến nhà gặp bà H để đòi nợ anh K nhưng không gặp; không có việc đập phá tài sản và đe dọa giết anh K. Căn cứ quy định tại các Điều 64, 65, 66 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy tình tiết này không đủ cơ sở để chứng minh bị cáo đã có ý thức giết anh K từ trước và cũng

không có đủ căn cứ để chuyển khung hình phạt nặng hơn đối với bị cáo.

[2.1.5] Đối với ý kiến các Luật sư đề nghị xem xét việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù trong quá trình điều tra vụ án, bị cáo khai có một số nội dung mâu thuẫn. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn, phù hợp với diễn biến khách quan của vụ án và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần giữ nguyên tình tiết này như bản án sơ thẩm đã áp dụng là phù hợp với nguyên tắc xử lý hành vi phạm tội được quy định tại Điều 3 của Bộ luật Hình sự.

[2.1.6] Về mức hình phạt, xét thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm đ, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); đồng thời, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 109/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 của Quốc hội, xét bị cáo có cha ruột là ông Trương Vĩnh H là người có công với cách mạng (được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhì) nên đã áp dụng điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình người bị hại đề nghị xem xét, áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định việc bị cáo thực hiện hành vi giết người là do có một phần lỗi của người bị hại, nợ tiền không trả, lại còn có thái độ thách thức bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo không có tính chất côn đồ. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo Trương Vĩnh Q là do bột phát, có phần do người bị hại kích động về mặt tinh thần nên chưa đủ căn cứ để áp dụng tình tiết tăng nặng này. Như vậy, căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả từ hành vi phạm tội rất nghiêm trọng của bị cáo; đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; hoàn cảnh, nguyên nhân, điều kiện phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo Trương Vĩnh Q 10 năm tù là phù hợp và đúng pháp luật.

[2.1.7] Từ các phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy: Kháng cáo của bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử và tuyên bố bị cáo Trương Vĩnh Q phạm tội “Giết người” thuộc trường hợp “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật Hình sự và tăng mức hình phạt đối với bị cáo là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn T:

[2.2.1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cho rằng Trần Văn T là đồng phạm giúp sức cho Trương Vĩnh Q giết con bà, nhưng các cơ quan T hành tố tụng đã không xử lý về trách nhiệm hình sự là bỏ lọt tội phạm; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình người bị hại cho rằng hành vi của Trần Văn T đã cấu thành tội phạm “Giết người” với vai trò đồng phạm tiếp sức, tội “Che dấu tội phạm” hoặc tội “Không tố giác tội phạm”.

[2.2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi bị bắt giữ và trong quá trình điều tra vụ án, Trần Văn T đều thành khẩn khai nhận ngày 02/7/2016 đã đi cùng Trương Vĩnh Q đến gặp anh K để Q lấy tiền về chữa bệnh. Khi Q gặp anh K trao đổi về việc nợ nần thì T không có hành động gì. Đến khi Q và anh K xảy ra xô sát thì T đứng dậy cùng Q đuổi theo để đánh anh K. T cũng thừa nhận việc khi thấy Q bị anh K vật ngã thì T mới chạy đến ôm anh K nhưng anh K mạnh hơn vùng ra bỏ chạy thì Q bật dậy dùng dao đâm vào sau vai phải của anh K; khi anh K bỏ chạy thì T cùng Q đuổi theo nhưng Q bảo T quay về lấy xe máy; và sau khi Q đâm anh K lần thứ hai thì T chạy xe máy đến chở Q cùng đi trốn. Như vậy, có đủ cơ sở xác định Trần Văn T đã có nhiều hành động giúp sức bị cáo trong việc chở bị cáo đến gặp anh K; hỗ trợ bị cáo về mặt tinh thần và tham gia vật lộn, đánh nhau với anh K và sau khi bị cáo đâm anh K thì chở bị cáo đi trốn. Tuy nhiên, chưa có đủ căn cứ xác định Trần Văn T cùng tham gia thực hiện hành vi giết chết anh K; mặt khác, giữa Trần Văn T và anh K cũng không quen biết nhau, không có mâu thuẫn và cũng không có cơ sở chứng minh Trần Văn T tham gia, hỗ trợ bị cáo nhằm mục đích tước đoạt sinh mạng của anh K nên Hội đồng xét xử không có đủ căn cứ để khởi tố đối với Trần Văn T tại phiên tòa. Căn cứ Điều 196 và Điều 241 của Bộ luật Tố tụng Hình sự thì hành vi của Trần Văn T không thuộc giới hạn giới hạn của việc xét xử và phạm vi xét xử phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị với Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tiếp tục xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại của Luật sư Đỗ Văn Sự tại “Đơn kiến nghị khẩn cấp” ngày 03/6/2017, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ quy định tại Điều 248 và Điều 250 của Bộ luật Tố tụng Hình sự thì trong vụ án này, các cơ quan T hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; bảo đảm đầy đủ các quyền của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; đồng thời, với các chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xét xử và kết tội đối với bị cáo Trương Vĩnh Q nên không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm. Do đó, yêu cầu của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình người bị hại về việc căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.4] Các quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của bị cáo, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm g khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do bị cáo rút đơn kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người đại diện hợp pháp của người bị hại kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003: Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2017/HSST ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 2 Điều 93; các điểm đ, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trương Vĩnh Q **10** (mười) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ 03/7/2016.

2. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm dân sự của bị cáo, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Công an tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Nam;
- Đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Điền

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tấn Hoàng

Võ Ngọc Thông

Nguyễn Xuân Điền